

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán	5-6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7-37
<i>Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	7-11
<i>Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021</i>	12-13
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021</i>	14- 16
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2021</i>	17
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021</i>	18-37

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 119/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 11 năm 2015 trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 13/UBCK-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu (Giấy phép thành lập và hoạt động số 75/UBCK-GP ngày 21 tháng 12 năm 2007).

**Vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập: 291.810.960.000 VND**

### **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
Mã số thuế : 0201657860  
Điện thoại : 0225 384 2335

### **Các đơn vị trực thuộc:**

#### Tên đơn vị

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng – Chi nhánh Hà Nội

#### Nơi thành lập và hoạt động

Số 328, Võ Văn Kiệt, Lầu 4, Center Garden, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Tầng 2, số 163 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).

### **Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Thủy	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Đức Luyện	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Ủy viên
Bà Vũ Thị Thanh Nga	Ủy viên

Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2021

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Dương Hiền	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Trung	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Mai Anh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	Thành viên
Bà Đoàn Thị Thúy	Thành viên

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
**Tổng Giám đốc**



**Vũ Dương Hiền**

Ngày 18 tháng 03 năm 2022

Số : 0806.01.03/2021/BCTC- NVT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Về Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng, được lập ngày 18 tháng 03 năm 2022 từ trang 07 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNDKHNKT số: 1690-2017-124-1

**Kiểm toán viên**

**Vũ Thị Thiết**

GCNDKHNKT số: 3980-2022-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B01 - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>359.847.209.708</b>	<b>323.419.546.967</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>359.089.071.933</b>	<b>322.402.496.403</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	6.1	2.448.782.514	1.306.233.406
1.1. Tiền	111.1		2.448.782.514	1.306.233.406
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	6.3.1	34.895.182.700	1.639.734.680
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113		-	-
4. Các khoản cho vay	114	6.3.2	179.999.043.805	120.153.324.409
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	115	6.3.3	132.565.453.390	189.265.453.390
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		-	-
7. Các khoản phải thu	117		8.303.846.320	9.930.234.095
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	6.4.1	8.303.846.320	9.930.234.095
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
Trong đó: Phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận nhưng chưa nhận được	117.3.1		-	-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		8.303.846.320	9.930.234.095
8. Trả trước cho người bán	118		640.300.970	71.316.605
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		13.200.000	19.200.000
12. Các khoản phải thu khác	122		236.462.234	30.199.818
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		(13.200.000)	(13.200.000)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>758.137.775</b>	<b>1.017.050.564</b>
1. Tạm ứng	131	6.5	20.775.080	380.943.080
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	6.6 a	306.316.289	220.985.247
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	6.7 a	186.294.146	186.294.146
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		244.752.260	228.828.091
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		-	-
7. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo tình hình tài chính(tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>15.826.600.262</b>	<b>17.657.647.123</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2. Các khoản đầu tư	212		15.073.400.000	15.073.400.000
2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2. Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
2.4 Đầu tư dài hạn khác	212.4	6.8	15.073.400.000	15.073.400.000
3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		(10.073.400.000)	(10.073.400.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.060.088.146</b>	<b>3.316.696.713</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.9	1.978.416.833	2.630.900.848
- Nguyên giá	222		15.402.541.882	18.403.394.557
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(13.424.125.049)	(15.772.493.709)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.10	81.671.313	685.795.865
- Nguyên giá	228		18.000.092.880	18.000.092.880
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(17.918.421.567)	(17.314.297.015)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>8.766.512.116</b>	<b>9.340.950.410</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	6.7 b	534.786.200	113.856.200
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	6.6 b	6.012.358.344	7.474.466.438
3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253		-	-
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	6.11	2.219.367.572	1.752.627.772
2. Tài sản dài hạn khác	255		-	-
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>375.673.809.970</b>	<b>341.077.194.090</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo tình hình tài chính(tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>34.869.454.012</b>	<b>15.175.783.715</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>34.869.454.012</b>	<b>15.175.783.715</b>
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311		-	9.000.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		-	9.000.000.000
1.2. Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	313		-	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn	315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5. Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	317		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		10.992.500	10.992.500
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320		-	-
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	-
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	6.12	7.741.717.340	2.134.352.828
11. Phải trả người lao động	323		4.321.495.476	2.758.744.311
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		236.062.445	128.571.518
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		399.273.125	-
17. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	329	6.13	20.834.166.527	83.149.275
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		1.325.746.599	1.059.973.283
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>340.804.355.958</b>	<b>325.901.410.375</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>340.804.355.958</b>	<b>325.901.410.375</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	6.14a	291.763.900.000	291.763.900.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		291.810.960.000	291.810.960.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		291.810.960.000	291.810.960.000
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5. Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		(47.060.000)	(47.060.000)
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4. Quỹ dự trữ vốn điều lệ	414		3.163.827.441	2.032.026.248
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		3.163.827.441	2.032.026.248
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	6.14b	42.712.801.076	30.073.457.879
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1	6.14c	41.571.549.374	29.748.696.312
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		1.141.251.702	324.761.567
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		-	-
<b>TỔNG CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>375.673.809.970</b>	<b>341.077.194.090</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo tình hình tài chính(tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		69.430.579.966	69.430.579.966
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		29.176.390	29.176.390
7. Cổ phiếu quỹ	007		4.706	4.706
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	6.15	8.073.940.000	1.673.820.000
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009			
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010			
11. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	011			
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	6.16	153.999.990.000	210.699.990.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	6.17	1.968.367.760.000	2.182.881.930.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.600.101.190.000	1.899.397.750.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		128.144.540.000	127.416.450.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		204.146.700.000	120.000.000.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4			
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		35.975.330.000	36.067.730.000
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6			
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	6.18	10.483.590.000	10.786.280.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		10.483.590.000	10.786.280.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		-	-
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3			
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4			
7. Tiền gửi của khách hàng	026	6.19	162.408.843.844	118.385.568.965
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		159.977.730.928	116.540.414.631
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		-	-
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		12.732.831	50.330.827
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		4.714.642	42.186.987
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		8.018.189	8.143.840
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		2.418.380.085	1.794.823.507

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo tình hình tài chính(tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	6.20	159.990.463.759	116.590.745.458
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		159.584.605.347	116.226.099.905
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		405.858.412	364.645.553
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	-
10. Phải thu/phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	033		-	-
11. Phải trả khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034		-	-
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	6.20	2.418.380.085	1.794.823.507

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hằng

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Nga

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Vũ Dương Hiền



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2021

Mẫu B02- CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		22.564.208.746	15.296.726.022
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	6.21	18.506.652.885	3.724.216.103
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	01.2	6.22	4.019.961.107	10.324.908.990
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	6.23	37.594.754	1.247.600.929
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	6.23	-	-
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	6.23	22.485.486.646	11.078.894.934
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	04	6.23	18.992.940.484	22.399.464.203
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		22.609.472.281	8.666.210.879
1.8. Doanh thu tư vấn	08		-	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		1.062.873.875	1.065.829.757
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		1.393.672.726	1.521.854.544
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		65.798.579	53.729.855
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>89.174.453.337</b>	<b>60.082.710.194</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		4.337.490.972	11.743.753.963
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	6.21	1.134.020.000	4.959.767.260
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	6.22	3.203.470.972	6.783.986.703
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22		-	-
2.3. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		-	13.200.000
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		5.319.568.141	757.796.493
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		14.537.809.673	9.645.061.203
2.8. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành	28		-	-
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		838.706.625	800.554.980
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	101.076.195
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32		-	-
Trong đó: Chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán, lỗi	33		-	-
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>25.033.575.411</b>	<b>23.061.442.834</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực	41		-	-
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		1.607.605.188	1.554.728.152
3.3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>	<b>6.24</b>	<b>1.607.605.188</b>	<b>1.554.728.152</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.2. Chi phí lãi vay	52	6.25	932.628.449	14.852.968
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>		<b>932.628.449</b>	<b>14.852.968</b>
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>		-	-
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>6.26</b>	<b>16.103.907.656</b>	<b>14.722.403.118</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>70</b>		<b>48.711.947.009</b>	<b>23.838.739.426</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71		66.072.945	136.700.500
8.2. Chi phí khác	72		9.550.000	-
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>80</b>		<b>56.522.945</b>	<b>136.700.500</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>48.768.469.954</b>	<b>23.975.439.926</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		47.951.979.819	20.434.517.639
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		816.490.135	3.540.922.287
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>9.845.331.655</b>	<b>1.339.416.065</b>
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	6.27	9.845.331.655	1.339.416.065
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>38.923.138.299</b>	<b>22.636.023.861</b>
11.1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201			
11.2. Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ	202			
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>			
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>		<b>1.306,08</b>	<b>631,20</b>
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	6.28	1.306,08	631,20
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hằng

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Nga

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Vũ Dương Hiền



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		48.768.469.954	23.975.439.926
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(7.722.214.492)	(10.111.366.995)
- Khấu hao tài sản cố định	03		1.256.608.567	1.345.542.284
- Các khoản dự phòng	04		-	13.200.000
- Chi phí lãi vay	06		932.628.449	14.852.968
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	07		(1.607.605.188)	(1.554.728.152)
- Dự thu tiền lãi	08		(8.303.846.320)	(9.930.234.095)
3. Tăng các khoản chi phí phi tiền tệ	10		3.203.470.972	6.783.986.703
- Lỗ đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FV)	11		3.203.470.972	6.783.986.703
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16		-	-
4. Giảm doanh thu phi tiền tệ	18		(4.019.961.107)	(10.324.908.990)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	19		(4.019.961.107)	(10.324.908.990)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(9.603.893.179)	(24.988.089.009)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi, lỗ	31		(32.438.957.885)	27.199.306.657
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32		-	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(59.845.719.396)	(51.726.291.989)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34		56.700.000.000	(19.258.400.000)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	-
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các	36		11.537.839.283	5.199.724.094
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công t	37		6.000.000	(61.700.500)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(206.262.416)	297.638.022
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(106.571.800)	10.484.314.430
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi	41		399.273.125	-
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		1.376.777.052	1.508.685.732
- Thuế TNDN đã nộp	43		(6.057.027.702)	-
- Lãi vay đã trả	44		(932.628.449)	(14.852.968)
- Tăng, giảm các khoản phải trả người bán	45		(568.984.365)	5.388.355
- Tăng, giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		107.490.927	22.374.546
- Tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp nhà nước	47		1.803.136.390	463.509.912
- Tăng, giảm phải trả người lao động	48		1.562.751.165	1.385.130.725
- Tăng, giảm phải trả, phải nộp khác	50		17.893.228.292	(267.296.025)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(834.237.400)	(225.620.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>30.625.872.148</b>	<b>(14.664.938.365)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

#### II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61	-	(92.400.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62	-	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	63	-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	64	-	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>	<b>-</b>	<b>(92.400.000)</b>

#### III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu đã phát hành	72	-	(36.908.270)
3. Tiền vay gốc	73	367.290.000.000	30.900.000.000
3.1 Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1	-	-
3.2 Tiền vay khác	73.2	367.290.000.000	30.900.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(376.290.000.000)	(21.900.000.000)
4.1 Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	75	-	-
4.2 Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	76	-	-
4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	77	(376.290.000.000)	(21.900.000.000)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	78	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	79	(20.483.323.040)	(399.683.678)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>	<b>(29.483.323.040)</b>	<b>8.563.408.052</b>

<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>90</b>	<b>1.142.549.108</b>	<b>(6.193.930.313)</b>
---	-----------	----------------------	------------------------

<b>V. Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>	<b>6.1</b>	<b>1.306.233.406</b>	<b>7.500.163.719</b>
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán			1.306.233.406	7.500.163.719
- Các khoản tương đương tiền			-	-

<b>VI. Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>6.1</b>	<b>2.448.782.514</b>	<b>1.306.233.406</b>
--	-----------	------------	----------------------	----------------------

- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán			2.448.782.514	1.306.233.406
- Các khoản tương đương tiền			-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

### PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

#### I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

		Năm nay	Năm trước
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	7.252.084.710.000	2.430.551.381.920
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(7.238.514.741.400)	(2.236.846.621.220)
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	03		
4. Tiền chi mua chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		
5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	05		
6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	06		
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	30.881.873.896	(124.967.576.363)
8. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	08		
9. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09	(1.052.124.195)	(1.044.372.437)
10. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	10		
11. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	11		
12. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12	167.479.463.110	138.558.457.658
13. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(166.855.906.532)	(137.873.092.422)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>	<b>44.023.274.879</b>	<b>68.378.177.136</b>

#### II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng

Tiền gửi ngân hàng đầu năm	30	<b>118.385.568.965</b>	<b>50.007.391.829</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	118.385.568.965	50.007.391.829
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	116.540.414.631	48.880.767.283
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33	50.330.827	17.166.275
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán	34		
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	35	1.794.823.507	1.109.458.271
Trong đó: Có kỳ hạn			
Các khoản tương đương tiền	36		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái theo quy đổi ngoại tệ	37		
<b>III Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>	<b>162.408.843.844</b>	<b>118.385.568.965</b>

Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	162.408.843.844	118.385.568.965
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	159.977.730.928	116.540.414.631
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	12.732.831	50.330.827
- Tiền gửi của tổ chức phát hành		2.418.380.085	1.794.823.507

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Hằng

Vũ Thị Thanh Nga

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Vũ Dương Hiền

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU B04 - CTCK**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết t minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		291.810.960.000	291.810.960.000	-	-	-	-	291.810.960.000	291.810.960.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		291.810.960.000	291.810.960.000	-	-	-	-	291.810.960.000	291.810.960.000
1.5.Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
2. Cổ phiếu quỹ (*)		(47.060.000)	(47.060.000)	-	-	-	-	(47.060.000)	(47.060.000)
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		2.032.026.248	2.032.026.248	-	-	1.131.801.193	-	2.032.026.248	3.163.827.441
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		2.032.026.248	2.032.026.248	-	-	1.131.801.193	-	2.032.026.248	3.163.827.441
5.Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	-	-	-	-
6.Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối		3.162.159.491	30.073.457.879	26.911.298.388	-	38.923.138.299	(26.283.795.102)	30.073.457.879	42.712.801.076
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		6.378.320.211	29.748.696.312	23.370.376.101	-	38.106.648.164	(26.283.795.102)	29.748.696.312	41.571.549.374
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(3.216.160.720)	324.761.567	3.540.922.287	-	816.490.135	-	324.761.567	1.141.251.702
Cộng		298.990.111.987	325.901.410.375	26.911.298.388	-	41.186.740.685	(26.283.795.102)	325.901.410.375	340.804.355.958
II. Thu nhập toàn diện khác									
Cộng		-	-	-	-	-	-	-	-

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hằng

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Nga

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Vũ Dương Hiền



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09 - CTCK

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1.1 Giấy chứng nhận thành lập Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 119/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 11 năm 2015 trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 13/UBCK-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu (Giấy phép thành lập và hoạt động số 75/UBCK-GP ngày 21 tháng 12 năm 2007).

#### 1.2 Địa chỉ liên hệ của Công ty Chứng khoán

Địa chỉ: Số 24, Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
Mã số thuế: 0201657860

#### 1.3 Điều lệ hoạt động công ty chứng khoán:

Công ty hoạt động theo Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng ban hành ngày 05 tháng 3 năm 2016.

#### 1.4 Ngành nghề kinh doanh chính

Môi giới chứng khoán;  
Tự doanh chứng khoán;  
Tư vấn đầu tư chứng khoán.

#### 1.5 Số lượng nhân viên: 45 nhân viên (số đầu năm là 43 nhân viên)

#### 1.6 Quy mô vốn

Vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 119/GP-UBCK là: 291.810.960.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi một tỷ, tám trăm mười triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

#### 1.7 Hạn chế đầu tư và cho vay

Thực hiện theo Điều 43, 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

#### 1.8 Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách đơn vị trực thuộc :

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 328, Võ Văn Kiệt, Lầu 4, Center Garden, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng – Chi nhánh Hà Nội	Tầng 2, số 163 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

### **2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **2.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

#### **3.3 Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

Các khoản tiền của khách hàng được hạch toán, theo dõi tách biệt và được tổng hợp tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty gồm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý; Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng; Tiền gửi của Tổ chức phát hành; Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư.

#### 4.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

##### *Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của CTCK*

Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn (không bao gồm khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng đã được trình bày tại chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền").
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

##### *Nguyên tắc đánh giá các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của CTCK*

Giá trị tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của CTCK được đánh giá theo giá trị thị trường hoặc theo giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

##### *Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:*

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua các hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời như: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận theo giá gốc là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh mua và không bao gồm các chi phí mua như: Phí môi giới, phí giao dịch, phí ngân hàng.... Khi bán, giá vốn của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm bán.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

##### *Các khoản cho vay:*

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các cam kết cho vay phát sinh bao gồm: Cam kết cho vay theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng;

##### *Nguyên tắc kế toán nợ phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để trích lập dự phòng.

#### 4.3 Nguyên tắc ghi nhận và trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	10
Máy móc thiết bị	03-08
Thiết bị văn phòng	10
Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	03-08

#### 4.4 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### 4.5 Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

##### *Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả*

Các khoản phải trả, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

##### *Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.*

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

##### *Phải trả tổ chức phát hành*

Phải trả tổ chức phát hành phản ánh tình hình nhận và thanh toán cho Tổ chức phát hành về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do CTCK thực hiện, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

##### *Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán*

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán phản ánh số hiện có và tình hình biến động về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý và ngân hàng thương mại quản lý.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

### ***Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán***

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tình hình thanh toán với Sở GDCK và Trung tâm lưu ký CK về phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí bù trừ thanh toán chứng khoán.

### ***Chi phí phải trả***

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: phí giao dịch và các phí khác liên quan đến hoạt động của công ty.

### ***Dự phòng phải trả***

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng phải trả hiện có, tình hình trích lập và sử dụng dự phòng phải trả của doanh nghiệp.

a) Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;

- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và

- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

b) Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

d) Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

## **4.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

### ***Các Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu***

Được ghi nhận theo quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông.

### ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

## **4.7 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

### ***Doanh thu hoạt động tư vấn***

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận trên kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

### ***Doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh***

Thu nhập bán các tài sản tài chính: được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính đã bán ra.

Điều kiện ghi nhận doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính đã được chuyển giao cho người mua;



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý tài sản tài chính như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát tài sản tài chính;
- Doanh thu, thu nhập được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán tài sản tài chính;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán tài sản tài chính.

Các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính: Lãi cho vay từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán; Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các tài sản tài chính, mà không bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con (các khoản thu nhập này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính).

Điều kiện ghi nhận các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng:***

Phương pháp ghi nhận doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng: doanh thu được thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động, bao gồm:

*Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán:* Là khoản phí môi giới chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng và được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

*Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức bảo lãnh và hưởng phí bảo lãnh:* Là số phí được hưởng tính trên giá trị chứng khoán bảo lãnh phát hành đã được phát hành, đã thu tiền và tỷ lệ phí theo thỏa thuận. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

*Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức hưởng chiết khấu tiền bán chứng khoán đã được phát hành:* Là khoản chênh lệch giữa chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền với giá chiết khấu chứng khoán đã thỏa thuận thanh toán lại với Tổ chức phát hành. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

*Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán:* là số tiền hoa hồng được hưởng từ đại lý phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành hoặc cho Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền cho người giao đại lý phát hành chứng khoán.

*Doanh thu về nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán:* là số phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng đã thực hiện trong kỳ.

*Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:* là số phí được hưởng khi cung cấp các nghiệp vụ về lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật. Bao gồm: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký chứng khoán, thanh toán các giao dịch chứng khoán; Dịch vụ quản lý sổ cổ đông, đại lý chuyển nhượng...

*Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính:* là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ tư vấn trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng tư vấn.

### ***Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ của CTCK:***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

- Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác...

#### **4.8 Nguyên tắc kế toán chi phí hoạt động CTCK, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý công ty chứng khoán.**

*Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh:* bao gồm: Chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ; các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính và chi phí hoạt động tự doanh.

*Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ:* phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán.

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:* Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái; Chi phí lãi vay; Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

*Chi phí quản lý CTCK:* phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý công ty chứng khoán.

#### **4.9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

### **5. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK**

#### **5.1 Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

#### **5.2 Rủi ro tín dụng:**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa với mỗi nhóm tài sản chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

#### ***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

#### **5.3 Rủi ro thanh khoản:**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

#### **5.4 Rủi ro thị trường:**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro; rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

#### **5.5 Rủi ro tiền tệ:**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng như cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

#### **5.6 Các rủi ro về giá**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Sự tăng (hoặc giảm) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****A.6.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	2.445.442.453	1.303.185.885
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	3.340.061	3.047.521
<b>Cộng</b>	<b>2.448.782.514</b>	<b>1.306.233.406</b>

**A.6.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
<b>a. Của công ty chứng khoán</b>	<b>7.005.000</b>	<b>365.814.225.000</b>
- Cổ phiếu	7.005.000	365.814.225.000
<b>b. Của nhà đầu tư</b>	<b>920.561.483</b>	<b>14.490.599.451.400</b>
- Cổ phiếu	920.561.483	14.490.599.451.400
<b>Tổng cộng</b>	<b>927.566.483</b>	<b>14.856.413.676.400</b>

**A.6.3. Các loại tài sản tài chính****6.3.1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá mua	Giá trị hợp lý	Giá mua	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	33.102.832.232	33.689.724.200	664.229.567	435.219.180
Cổ phiếu upcom	651.098.766	1.205.458.500	650.743.546	1.204.515.500
<b>Cộng</b>	<b>33.753.930.998</b>	<b>34.895.182.700</b>	<b>1.314.973.113</b>	<b>1.639.734.680</b>

Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định căn cứ trên giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**6.3.2. Các khoản cho vay và phải thu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	156.853.737.323	156.853.737.323	113.183.789.342	113.183.789.342
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	23.145.306.482	23.145.306.482	6.969.535.067	6.969.535.067
<b>Cộng</b>	<b>179.999.043.805</b>	<b>179.999.043.805</b>	<b>120.153.324.409</b>	<b>120.153.324.409</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**6.3.4. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.565.453.390	2.565.453.390
Trái phiếu	130.000.000.000	186.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>132.565.453.390</b>	<b>189.265.453.390</b>

**A.6.4. Các khoản phải thu****6.4.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu doanh nghiệp	6.465.638.190	8.820.761.478
Dự thu tiền lãi - Nghiệp vụ Margin	1.838.208.130	1.109.472.617
<b>Cộng</b>	<b>8.303.846.320</b>	<b>9.930.234.095</b>

**A.6.5. Tạm ứng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Bà Vũ Thị Ngọc Lan	-	11.700.000
Các đối tượng khác	20.775.080	369.243.080
<b>Cộng</b>	<b>20.775.080</b>	<b>380.943.080</b>

**A.6.6. Chi phí trả trước****a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	210.743.218	36.493.284
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	95.573.071	184.491.963
<b>Cộng</b>	<b>306.316.289</b>	<b>220.985.247</b>

**b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Lợi thế thương mại (*)	5.839.731.896	7.299.664.868
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	62.496.748
Chi phí khác	172.626.448	112.304.822
<b>Cộng</b>	<b>6.012.358.344</b>	<b>7.474.466.438</b>

(\*) Là giá trị lợi thế phát sinh khi hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (HPC) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu (AAS) tạo thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (HAC) với tổng giá trị 14.599.329.729 VND được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ thời điểm hợp nhất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**A.6.7. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược****a. Ngắn hạn**

Là khoản đặt cọc tiền thuê văn phòng chi nhánh Hồ Chí Minh

**b. Dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	532.786.200	111.856.200
Các đối tượng khác	2.000.000	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>534.786.200</b>	<b>113.856.200</b>

**A.6.8. Các khoản đầu tư dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Hải Hà	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Placo	10.073.400.000	(10.073.400.000)	10.073.400.000	(10.073.400.000)
<b>Cộng</b>	<b>15.073.400.000</b>	<b>(10.073.400.000)</b>	<b>15.073.400.000</b>	<b>(10.073.400.000)</b>

**A.6.9. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	13.789.846.759	4.322.582.100	290.965.698	18.403.394.557
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	(2.940.990.675)	-	(59.862.000)	(3.000.852.675)
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.848.856.084</b>	<b>4.322.582.100</b>	<b>231.103.698</b>	<b>15.402.541.882</b>
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	10.297.819.747	508.982.100	231.103.698	11.037.905.545
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	13.407.380.911	2.074.147.100	290.965.698	15.772.493.709
Khấu hao trong năm	175.784.015	476.700.000	-	652.484.015
Giảm trong năm	(2.940.990.675)	-	(59.862.000)	(3.000.852.675)
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.642.174.251</b>	<b>2.550.847.100</b>	<b>231.103.698</b>	<b>13.424.125.049</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	382.465.848	2.248.435.000	-	2.630.900.848
<b>Số cuối năm</b>	<b>206.681.833</b>	<b>1.771.735.000</b>	<b>-</b>	<b>1.978.416.833</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**A.6.10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Bản quyền, bằng sáng chế</b>	<b>Phần mềm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	2.228.764.540	15.771.328.340	18.000.092.880
Tăng trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.228.764.540</b>	<b>15.771.328.340</b>	<b>18.000.092.880</b>
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	2.228.764.540	14.660.288.940	16.889.053.480
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.228.764.540	15.085.532.475	17.314.297.015
Khấu hao trong năm	-	604.124.552	604.124.552
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.228.764.540</b>	<b>15.689.657.027</b>	<b>17.918.421.567</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	685.795.865	685.795.865
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>81.671.313</b>	<b>81.671.313</b>

**A.6.11. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.817.180.014	1.466.788.738
Tiền lãi được phân bổ trong năm	282.187.558	165.839.034
<b>Cộng</b>	<b>2.219.367.572</b>	<b>1.752.627.772</b>

**A.6.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	25.446.431	1.085.818	(1.111.454)	-	25.420.795
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.202.416.211	9.845.331.655	(6.057.027.702)	-	4.990.720.164
Thuế thu nhập cá nhân	-	906.490.186	10.295.829.633	(8.476.743.438)	-	2.725.576.381
Phí, lệ phí và các khoản nộp khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	-	2.134.352.828	20.146.247.106	(14.538.882.594)	-	7.741.717.340

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất cho từng lĩnh vực khác nhau, cụ thể:

Hoạt động kinh doanh chứng khoán

Không chịu thuế

Hoạt động khác

10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**A.6.13. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cổ tức cho cổ đông	2.859.833.960	2.045.000
Phải trả tiền góp vốn đầu tư	17.357.145.753	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	617.186.814	81.104.275
<b>Cộng</b>	<b>20.834.166.527</b>	<b>83.149.275</b>

**A.6.14. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu****a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Giá trị
Ông Vũ Dương Hiền	24,29%	70.877.730.000
Công ty Cổ phần tập đoàn Hapaco	6,64%	19.377.370.000
Các cổ đông khác	69,05%	201.508.800.000
Cổ phiếu quỹ	0,02%	47.060.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>291.810.960.000</b>

**b. Lợi nhuận chưa phân phối**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	41.571.549.374	29.748.696.312
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.141.251.702	324.761.567
<b>Cộng</b>	<b>42.712.801.076</b>	<b>30.073.457.879</b>

**c. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ động hoặc các thành viên góp vốn**

Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	29.748.696.312
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	38.106.648.164
Số lãi phân phối cho cổ động hoặc các thành viên góp vốn từ lợi nhuận năm trước	(23.341.112.000)
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ động hoặc các thành viên góp vốn đến 31 tháng 12 năm 2021	44.514.232.476
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(2.942.683.102)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(1.131.801.193)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp	(1.131.801.193)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(679.080.716)
<b>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến 31/12/2021</b>	<b>41.571.549.374</b>

**A.6.15. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Loại dưới 1 năm	8.073.940.000	1.673.820.000
<b>Cộng</b>	<b>8.073.940.000</b>	<b>1.673.820.000</b>

**A.6.16. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Loại dưới 1 năm	133.999.990.000	190.699.990.000
Loại trên 1 năm	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>153.999.990.000</b>	<b>210.699.990.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**A.6.17. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.600.101.190.000	1.899.397.750.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	128.144.540.000	127.416.450.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	204.146.700.000	120.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	35.975.330.000	36.067.730.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.968.367.760.000</u></b>	<b><u>2.182.881.930.000</u></b>

**A.6.18. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	10.483.590.000	10.786.280.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.483.590.000</u></b>	<b><u>10.786.280.000</u></b>

**A.6.19. Tiền gửi của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	159.977.730.928	116.540.414.631
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>159.579.890.705</i>	<i>116.183.912.918</i>
<i>Của nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>397.840.223</i>	<i>356.501.713</i>
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	12.732.831	50.330.827
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>4.714.642</i>	<i>42.186.987</i>
<i>Của nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>8.018.189</i>	<i>8.143.840</i>
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	2.418.380.085	1.794.823.507
<b>Cộng</b>	<b><u>162.408.843.844</u></b>	<b><u>118.385.568.965</u></b>

**A.6.20. Phải trả khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	159.990.463.759	116.590.745.458
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>159.584.605.347</i>	<i>116.226.099.905</i>
<i>Của nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>405.858.412</i>	<i>364.645.553</i>
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.418.380.085	1.794.823.507
<b>Cộng</b>	<b><u>162.408.843.844</u></b>	<b><u>118.385.568.965</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**B. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG****B.6.21. Lãi lỗ bán các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán trong năm	Tổng giá trị bán trong năm	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
A	B				Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
1	Cổ phiếu niêm yết	3.209.800	175.357.430.000	157.984.797.115	18.506.652.885	1.134.020.000	3.724.216.103	4.809.767.260
	Sàn Hà Nội	91.700	3.957.180.000	3.300.030.000	657.150.000	-	454.364.710	2.419.222.367
	Sàn TP. Hồ Chí Minh	2.882.100	163.694.880.000	147.448.417.115	17.380.482.885	1.134.020.000	1.788.866.287	2.253.146.190
	Sàn Upcom	236.000	7.705.370.000	7.236.350.000	469.020.000	-	1.480.985.106	137.398.703
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-	150.000.000
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	3.209.800	175.357.430.000	157.984.797.115	18.506.652.885	1.134.020.000	3.724.216.103	4.809.767.260

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**B.6.22. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm nay	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch đánh giá tăng trong năm	Chênh lệch đánh giá giảm trong năm	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay
A	B	C	D	E		F	G	H=F-G
I	Loại FVTPL	33.753.930.998	34.895.182.700	1.141.251.702	324.761.567	4.019.961.107	(3.203.470.972)	816.490.135
1	Cổ phiếu niêm yết	33.753.930.998	34.895.182.700	1.141.251.702	324.761.567	4.019.961.107	(3.203.470.972)	816.490.135
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-		-			-	-
3	Trái phiếu niêm yết							
4	Trái phiếu chưa niêm yết							
5	Công cụ thị trường tiền tệ							
6	Các khoản đầu tư phái sinh niêm yết							
7	Các khoản đầu tư phái sinh chưa niêm yết							
8	Các khoản đầu tư cho vay							
9	Các khoản đầu tư đem thế chấp							
10	Các khoản đầu tư mua chưa chuyển quyền sở hữu							
II	Loại HTM	-	-	-			-	-
III	Loại các khoản cho vay và phải thu	-	-	-			-	-
IV	Loại AFS	-	-	-			-	-
	<b>Cộng</b>	<b>33.753.930.998</b>	<b>34.895.182.700</b>	<b>1.141.251.702</b>	<b>324.761.567</b>	<b>4.019.961.107</b>	<b>(3.203.470.972)</b>	<b>816.490.135</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**B.6.23.Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	37.594.754	1.247.600.929
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	0
Từ các khoản cho vay	22.485.486.646	11.078.894.934
Từ các khoản tài sản tài chính sẵn sàng để bán	18.992.940.484	22.399.464.203
<b>Cộng</b>	<b>41.516.021.884</b>	<b>34.725.960.066</b>

**B.6.24.Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.607.605.188	1.554.728.152
<b>Cộng</b>	<b>1.607.605.188</b>	<b>1.554.728.152</b>

**B.6.25.Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	932.628.449	14.852.968
<b>Cộng</b>	<b>932.628.449</b>	<b>14.852.968</b>

**B.6.26.Chi phí quản lý của công ty chứng khoán**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	9.976.044.706	7.819.121.381
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.509.498	3.300.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	141.265.917	82.805.633
Chi phí khấu hao TSCĐ	646.758.215	657.501.932
Chi phí thuế, phí và lệ phí	6.660.000	6.660.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.076.504.215	1.013.345.616
Chi phí khác	4.254.165.105	5.139.668.556
<b>Cộng</b>	<b>16.103.907.656</b>	<b>14.722.403.118</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**B.6.27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.768.469.954	23.975.439.926
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	458.188.321	(2.596.957.591)
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.515.744.182	8.975.552.328
Thù lao TV HĐQT không trực tiếp điều hành	601.958.333	508.265.625
Chi phí khấu hao xe ô tô trên 1,6 tỷ	276.700.000	276.700.000
Lỗi chưa thực hiện	3.203.470.972	6.783.986.703
Chi phí không hợp lý	433.614.877	1.406.600.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.057.555.861)	(11.572.509.919)
Lãi chưa thực hiện	(4.019.961.107)	(10.324.908.990)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(37.594.754)	(1.247.600.929)
Thu nhập chịu thuế	<b>49.226.658.275</b>	<b>21.378.482.335</b>
Lỗi năm trước được chuyển		(11.811.224.731)
Thu nhập tính thuế	49.226.658.275	9.567.257.604
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	9.845.331.655	1.913.451.521
Thuế TNDN được miễn giảm theo NQ116/2020/QH14	-	(574.035.456)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>9.845.331.655</b>	<b>1.339.416.065</b>

**B.6.28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.923.138.299	22.636.023.861
Lợi nhuận chưa thực hiện	816.490.135	3.540.922.287
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(679.080.716)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.106.648.164	18.416.020.858
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.176.390	29.176.390
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.306,08</b>	<b>631,20</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh	Hoạt động môi giới. lưu ký chứng khoán	Hoạt động tự doanh	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu hoạt động	23.672.346.156	22.564.208.746	42.937.898.435		89.174.453.337
Chi phí hoạt động	(15.376.516.298)	(9.657.059.113)	-		(25.033.575.411)
Doanh thu hoạt động tài chính					1.607.605.188
Chi phí hoạt động tài chính					(932.628.449)
Chi phí không phân bổ					(16.103.907.656)
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>8.295.829.858</b>	<b>12.907.149.633</b>	<b>42.937.898.435</b>	<b>-</b>	<b>48.711.947.009</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	-	175.764.482.410	179.999.043.805		355.763.526.215
Tài sản không phân bổ					19.910.283.755
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>-</b>	<b>175.764.482.410</b>	<b>179.999.043.805</b>	<b>-</b>	<b>375.673.809.970</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	-		-
Nợ phải trả không phân bổ					34.869.454.012
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>				<b>34.869.454.012</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 24 Đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**8. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay
Thu nhập của Ban lãnh đạo	7.091.795.951
Ông Vũ Dương Hiền	1.194.592.669
Ông Đoàn Đức Luyện	999.026.869
Ông Phạm Công Ngữ	657.088.453
Ông Phạm Đức Phiên	501.221.958
Ông Nguyễn Anh Trung	497.442.168
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	826.609.946
Ông Vũ Xuân Thủy	360.375.000
Bà Vũ Thị Thanh Nga	648.774.881
Bà Lê Thị Mai Anh	701.551.786
Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	241.583.333
Bà Đoàn Thị Thúy	463.528.888
Ông Đoàn Đức Luyện tạm ứng	34.600.000.000
Ông Đoàn Đức Luyện hoàn ứng	34.600.000.000
Vay tiền Ông Vũ Dương Hiền	162.759.000.000
Trả tiền vay Ông Vũ Dương Hiền	171.759.000.000

**9. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****9.1 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 679.080.716 VND. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính lại như sau (xem thuyết minh B.6.29):

	Mã số	Số liệu năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501	654,47	631,20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc

  


Nguyễn Thu Hằng

Vũ Thị Thanh Nga

Vũ Dương Hiền